

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ AN SINH XÃ HỘI

Lê Thị Hoài Thu^(*)

1. Về thuật ngữ an sinh xã hội

Con người muốn tồn tại và phát triển trước hết phải có điều kiện bảo đảm về ăn, mặc, ở v.v... Để thoả mãn nhu cầu tối thiểu này, con người phải lao động làm ra những sản phẩm cần thiết. Khi của cải xã hội càng có nhiều thì mức độ thoả mãn nhu cầu ngày càng tăng, nghĩa là việc thoả mãn nhu cầu cho cuộc sống phụ thuộc vào khả năng lao động của con người. Tuy nhiên, trong suốt cuộc đời không phải lúc nào con người cũng có thể lao động tạo ra thu nhập, trái lại có nhiều trường hợp xảy ra gây cho con người bị giảm hoặc mất khả năng lao động như ốm đau, tai nạn, già yếu, thất nghiệp... Đồng thời cuộc sống của con người còn phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội. Những điều kiện này không phải lúc nào ở đâu cũng thuận lợi. Những rủi ro, bất hạnh do thiên tai hoặc môi trường gây ra cho con người là không thể tránh khỏi.

Khi gặp phải những trường hợp rủi ro, thiếu nguồn thu nhập để sinh sống con người đã giải quyết bằng nhiều cách khác nhau. Từ xa xưa con người đã có sự san sẻ, đùm bọc của cộng đồng. Lòng nhân ái, sự bao bọc đã hình thành những hoạt động cứu tế của các tổ chức tôn giáo, phường hội,

giúp con người giảm đi những khó khăn trong cuộc sống hàng ngày.

Cùng với sự phát triển của xã hội, ý thức cộng đồng tương trợ lẫn nhau dần dần được mở rộng. Từ thế kỷ thứ XVI hàng người nông dân vùng thung lũng Anơ đã nhận thấy khả năng của sự đóng góp cộng đồng để trợ cấp cho những người ốm đau, tai nạn. Họ đã thành lập những hội tương tế với cách thức mỗi người đều trích ra một phần thu nhập để đóng chung vào một quỹ phòng khi ai ốm đau, tai nạn thì dùng quỹ đó để giúp đỡ. Những yếu tố đoàn kết, hướng thiện đó đã tác động tích cực đến ý thức và công việc xã hội cụ thể Nhà nước dưới các chế độ xã hội khác nhau. Đặc biệt là sau cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, hàng loạt nông dân di cư ra thành thị và đội ngũ những người làm công, ăn lương tăng lên. Cuộc sống của họ chủ yếu dựa vào thu nhập do làm thuê đem lại, nên khi gặp phải những rủi ro như ốm đau, tai nạn, thất nghiệp, tuổi già... những người lao động đã tìm cách khác phục, bằng cách lập ra các quỹ tương tế để trợ giúp lẫn nhau.

Điểm mốc đánh dấu của sự hình thành an sinh xã hội là cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỷ thứ XIX. Cuộc sống cảnh

^(*) Th.S., Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

lao động gian đơn đã nhường bước cho công nghiệp hoá. Cuộc chuyển biến này khiến cuộc sống của người lao động gắn chặt với thu nhập do bán sức lao động đem lại. Chính vì vậy những rủi ro trong cuộc sống như ốm đau, tai nạn, thất nghiệp hoặc do tuổi già sức yếu v.v... đã trở thành mối lo ngại cho những người lao động. Trước những rủi ro, bất hạnh thường xuyên xảy ra trong cuộc sống, một số nước đã khuyến khích các hoạt động tương thân tương ái lẫn nhau, kêu gọi người lao động tự tiết kiệm phòng khi có biến cố hoặc thực hiện trợ cấp đối với những người lãn công ăn lương.

Đến cuối thế kỷ XIX, bộ máy chính quyền nhiều bang ở Đức bắt đầu thiết lập quỹ trợ cấp ốm đau do chính những người thợ bắt buộc phải đóng góp để tương trợ những người lao động gặp rủi ro ốm đau. Vào năm 1850 ở Đức đã thành lập quỹ ốm đau và bắt buộc công nhân phải đóng góp để trợ cấp cho những người bị bệnh tật. Trong khoảng từ năm 1883 đến 1889, các hình thức bảo hiểm mang tính bắt buộc được mở rộng trong các trường hợp tai nạn lao động, tuổi già, tàn tật với sự tham gia đóng góp của ba bên (người lao động, người sử dụng lao động và Nhà nước). Mọi người làm công ăn lương bắt buộc phải đóng góp, bất kể là thợ lành nghề hay lao động phổ thông là người già hay trẻ, là nam hay nữ. Từ đó, nhiều nhà nước đã ban hành các đạo luật làm cơ sở để điều chỉnh các mối quan hệ về trợ cấp cho những người gặp rủi ro bất hạnh. Bên cạnh đó các dịch vụ xã hội như: dịch vụ y tế, dự phòng tai nạn, dịch vụ chăm sóc người già, bảo vệ trẻ

em... từng bước được mở rộng ở các nước tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của từng nước. Tất cả những hoạt động chung mang tính xã hội vì mục đích cao cả trợ giúp cho các thành viên trong xã hội như vậy được hiểu là an sinh xã hội.

Về thuật ngữ "an sinh xã hội" mỗi nước lại sử dụng thành những từ khác nhau, mặc dù nội dung đều hiểu như nhau nhưng do được dịch từ nhiều ngôn ngữ khác nhau (tiếng Anh: Social Security; tiếng Pháp: Securite Sociale) nên có tài liệu dùng tên gọi là: Bảo đảm xã hội, An toàn xã hội, Bảo trợ xã hội hoặc An sinh xã hội. Để tránh lẫn lộn với cụm từ "Trật tự an toàn xã hội", mà ở nước ta hay dùng với một ý nghĩa khác. Trong bài viết này tác giả sử dụng cụm từ "An sinh xã hội" cho nội dung này. Theo nghĩa chung nhất Social Security là sự đảm bảo thực hiện các quyền của con người được sống trong hoà bình, được tự do làm ăn, cư trú, di chuyển, phát biểu chính kiến trong khuôn khổ luật pháp; được bảo vệ và bình đẳng trước pháp luật; được học tập, được có việc làm, có nhà ở; được đảm bảo thu nhập để thoả mãn những nhu cầu sinh sống thiết yếu khi bị rủi ro, tai nạn, tuổi già... Theo nghĩa này thì tầm "bao" của Social Security rất lớn và vì vậy khi dịch sang tiếng Việt có nhiều nghĩa như trên cũng là điều dễ hiểu. Theo nghĩa hẹp, Social Security được hiểu là sự bảo đảm thu nhập và một số điều kiện sinh sống thiết yếu khác cho người lao động và gia đình họ khi bị giảm hoặc mất thu nhập do bị giảm hoặc mất khả năng lao động hoặc mất việc làm; cho những người già cả, cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, những

người nghèo đói và những người bị thiên tai, dịch họa... [5]. Theo chúng tôi an sinh xã hội mà chúng ta đang nói tới nên được hiểu theo nghĩa hẹp của khái niệm Social Security này

Theo các tài liệu hiện có khái niệm an sinh xã hội đã được dùng chính thức lần đầu tiên trong tiêu đề một đạo luật của Mỹ năm 1935-Luật về an sinh xã hội. Tuy nhiên, Luật này mới chỉ đề cập đến các rủi ro về già yếu, chết, tàn tật, thất nghiệp và đối tượng được bảo vệ không chỉ người lao động mà cả những người nghèo, những người già cả cô đơn, người tàn tật. Đến năm 1938, khái niệm an sinh xã hội xuất hiện trong một đạo luật của New Zealand, nhưng có thêm một khoản trợ cấp mới (trợ cấp gia đình). Đến năm 1941, an sinh xã hội lại xuất hiện trong Hiến chương Đại Tây Dương. Sau đó tổ chức lao động quốc tế (ILO) đã chính thức sử dụng cụm từ này cho đến nay trong các công ước của mình. Đặc biệt, năm 1952 (ngày 28/6) Hội nghị quốc tế về lao động đã thông qua Công ước số 152-Công ước qui định các qui phạm tối thiểu về an sinh xã hội. Tổ chức lao động quốc tế (ILO) cũng đã thừa nhận an sinh xã hội là một trong những nguyện vọng sâu sắc nhất, phổ biến nhất của mọi dân tộc trên thế giới và được ghi nhận trong Tuyên ngôn của Đại hội đồng liên hiệp quốc về quyền con người.

Theo quan niệm của Tổ chức lao động quốc tế (ILO), trong công ước số 102 thì an sinh xã hội "...là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua hàng loạt các biện pháp công cộng nhằm chống lại tình cảnh khốn khổ về kinh tế và

xã hội gây ra bởi tình trạng bị ngừng hoặc giảm sút đáng kể về thu nhập do ốm đau, thai sản, thương tật trong lao động, thất nghiệp, tàn tật, tuổi già, tử vong, sự cung cấp về chăm sóc y tế và cả sự cung cấp các khoản tiền trợ cấp cho các gia đình đồng con" [7]. Như vậy, về mặt bản chất, an sinh xã hội là góp phần bảo đảm đời sống và thu nhập cho mọi người trong xã hội. Phương thức hoạt động là thông qua các biện pháp công cộng. Mục đích là tạo ra sự "an sinh" cho mọi thành viên trong xã hội và vì vậy mang tính xã hội và tính nhân văn sâu sắc.

Trong cuốn sách "Giới thiệu về an sinh xã hội" do Tổ chức lao động quốc tế xuất bản tại Genève năm 1992, khái niệm về an sinh xã hội cũng được xác định: "...là sự bảo đảm thực hiện quyền con người được sống trong hoà bình, được học tập, được làm việc và nghỉ ngơi, được chăm sóc y tế và bảo đảm thu nhập" [4]. Ngoài ra, khái niệm về an sinh xã hội (bảo đảm xã hội) trên thế giới cũng xác định theo các nghĩa rộng, hẹp khác nhau như: Trong Hiến chương Đại Tây Dương an sinh xã hội được hiểu theo nghĩa rất rộng, đó là: "Sự bảo đảm thực hiện quyền con người sống trong hoà bình, được tự do làm ăn cư trú, di chuyển, phát biểu chính kiến trong khuôn khổ của pháp luật, được bảo vệ bình đẳng trước pháp luật, được học tập, làm việc, nghỉ ngơi, có nhà ở, được chăm sóc y tế và bảo đảm thu nhập để có thể thoả mãn những nhu cầu sinh sống thiết yếu khi bị rủi ro, thai sản, ốm đau, tuổi già...".

Trong đạo luật năm 1935 về an sinh xã hội của Mỹ thì an sinh xã hội "... là sự bảo

đảm bảo tôn nhân cách cùng những giá trị cá nhân đồng thời tạo lập cho mỗi con người một đời sống sung mãn và hữu ích để phát triển tài năng đến tột độ”.

Tại Hội nghị trù bị về “an sinh xã hội ASEAN” tháng 6/2001 ở Singapore, các nhà khoa học đã đưa ra một khái niệm tương đối rộng về an sinh xã hội. Hệ thống an sinh xã hội bao gồm: Bảo hiểm xã hội và tiết kiệm; Bảo hiểm tai nạn công nghiệp, y tế, người già, thất nghiệp. Đó là hệ thống có sự tham gia đóng góp của các bên tạo nguồn dự trữ để sử dụng cho các trường hợp lúc tuổi già, ốm đau, thai sản, chết, tàn tật, thương tật, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp; Trợ giúp xã hội và những dịch vụ xã hội (trợ cấp). Đó là loại phúc lợi xã hội trích từ thuế và các nhà tài trợ và chính sách thị trường lao động (bao gồm cả thị trường lao động tích cực và thụ động); tạo cơ hội việc làm, hình thành nguồn nhân lực, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm (thông tin, giới thiệu việc làm; đào tạo lại; hỗ trợ việc làm).

Qua các khái niệm trên, có thể thấy, an sinh xã hội có đối tượng áp dụng rộng lớn, bao gồm toàn bộ thành viên xã hội. Nội dung là sự bảo vệ của xã hội được thực hiện thông qua một loạt các biện pháp công cộng tiến hành bởi Nhà nước, tổ chức, cá nhân... dưới hình thức trợ trợ bằng tiền, hiện vật, phương tiện... nhằm mục đích chống lại những cú sốc về kinh tế, những khó khăn về mặt xã hội của người dân khi gặp phải những biến cố, rủi ro góp phần đảm bảo cuộc sống con người và cao hơn thế là đảm bảo an toàn chung cho toàn xã hội.

Bảo đảm xã hội, bảo trợ xã hội, an toàn xã hội, an ninh xã hội, an sinh xã hội... là những thuật ngữ có ý nghĩa rộng hẹp khác nhau tùy theo nguồn gốc phát sinh hoặc tùy thuộc vào sự vận dụng [2,6]. Tuy nhiên, nếu xét về mục đích chung thì chúng đều nhằm trợ giúp cho các thành viên trong xã hội, vượt qua những khó khăn, hiểm nghèo, mà bản thân họ không tự giải quyết được. Nhờ sự trợ giúp (cả về vật chất và tinh thần) mà những khó khăn, bất hạnh của con người được khắc phục hoặc giảm thiểu, từ đó góp phần làm cho xã hội tồn tại và phát triển trong thế ổn định và bền vững.

Ở Việt Nam, thuật ngữ “An sinh xã hội” đã xuất hiện vào những năm 70 trong một số cuốn sách nghiên cứu về pháp luật của một số học giả Sài Gòn. Sau năm 1975, thuật ngữ này được dùng nhiều và đặc biệt là từ năm 1995 trở lại đây nó được dùng khá rộng rãi hơn. Thuật ngữ “an sinh xã hội” thường được các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu và những người làm công tác xã hội nhắc đến nhiều trong các cuộc hội thảo về chính sách xã hội, trên hệ thống thông tin đại chúng cũng như trong các tài liệu, văn bản dịch. Tuy nhiên, hiện nay có nhiều quan niệm khác nhau về an sinh xã hội. Có quan niệm thì coi an sinh xã hội như là “bảo đảm xã hội”, “bảo trợ xã hội”, “an toàn xã hội” hoặc là “bảo hiểm xã hội” nhưng có quan niệm khác lại cho rằng: “an sinh xã hội” là bao trùm các vấn đề nêu trên. Chúng ta có thể xem xét một số cách hiểu như sau:

- Trong cuốn “Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam” tập I cũng đã thống nhất

khái niệm về an sinh xã hội (Social Security) là: “Sự bảo vệ của xã hội đối với công dân thông qua các biện pháp công cộng nhằm giúp họ khắc phục những khó khăn về kinh tế và xã hội; đồng thời bảo đảm chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình đông con...”

- Theo PGS. TS Đỗ Minh Cương thì an sinh xã hội (bảo đảm xã hội): “... là sự bảo vệ của xã hội đối với những thành viên của mình, trước hết là trong những trường hợp túng thiếu về kinh tế và xã hội, bị mất hoặc giảm sút thu nhập đáng kể do gặp những rủi ro như ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tàn tật, mất việc làm, mất người nuôi dưỡng, nghỉ do thai sản, về già, trong các trường hợp thiệt hại do thiên tai, dịch họa, hoả hoạn. Đồng thời xã hội cũng ưu đãi những thành viên của mình đã xả thân vì nước, vì dân, có những cống hiến đặc biệt cho cách mạng, xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Mặt khác cũng cứu vớt những thành viên lầm lỗi mắc vào tệ nạn xã hội nhằm phối hợp chặt chẽ với các chính sách xã hội khác đạt tới mục đích dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh” [9].

- Theo PGS Tương Lai thì: “Bảo đảm xã hội (an sinh xã hội) là một lĩnh vực rộng lớn, không chỉ bao hàm sự bảo vệ của xã hội đối với mọi người khi gặp phải thiếu thốn về kinh tế, mà còn bảo đảm về môi trường thuận lợi để giúp mọi người phát triển về giáo dục, văn hoá nhằm nâng cao trình độ dân trí, học vấn...” [1]

Như vậy, có thể thấy rằng an sinh xã hội là một lĩnh vực rộng lớn, phức tạp khó có thể đưa ra một định nghĩa đáp ứng được

tất cả các nội dung trong điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị, truyền thống dân tộc, tôn giáo ở mỗi nước khác nhau hoặc trong các giai đoạn lịch sử ở từng nước.

Dựa trên cơ sở những quan niệm của các nghiên cứu trên, chúng ta có thể hiểu an sinh xã hội là sự bảo vệ, trợ giúp của Nhà nước và cộng đồng đối với những người “Yếu thế” trong xã hội bằng các biện pháp khác nhau nhằm hỗ trợ cho các đối tượng khi họ bị suy giảm khả năng lao động, giảm sút thu nhập hoặc là bị rủi ro, bất hạnh, hoặc là trong tình trạng nghèo đói, hoặc là ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, mất sức lao động, già yếu...động viên, khuyến khích tự lực vươn lên giải quyết vấn đề của chính họ.

2. Các bộ phận cấu thành của an sinh xã hội

2.1 Theo qui định của tổ chức lao động quốc tế

An sinh xã hội đã được tất cả các nước thừa nhận như là một trong những quyền của con người. Ngày 25/6/1952 Hội nghị toàn thể thành viên của ILO đã thông qua Công ước số 102 - Công ước về qui phạm tối thiểu. Nội dung của an sinh xã hội bao gồm 9 chế độ trợ cấp cụ thể:

1. Chăm sóc y tế.
2. Trợ cấp ốm đau.
3. Trợ cấp thất nghiệp.
4. Trợ cấp tuổi già (hưu bổng)
5. Trợ cấp tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp

6. Trợ cấp thai sản.
7. Trợ cấp tàn tật.
8. Trợ cấp tiền tuất
9. Trợ cấp gia đình

Trong số 9 chế độ này trừ chăm sóc y tế và trợ cấp gia đình, 7 chế độ còn lại đều dùng trợ cấp bằng tiền mặt. An sinh xã hội hiện nay đã được áp dụng ở hầu hết các nước. Tuy nhiên, Công ước cũng chỉ rõ do điều kiện kinh tế xã hội của mỗi nước khác nhau nên sự đáp ứng các chế độ của hệ thống an sinh xã hội cũng có phạm vi rộng hẹp khác nhau. Vì vậy mà Công ước 102 cũng chỉ đưa ra những qui phạm tối thiểu về an sinh xã hội, hơn thế nữa, Công ước cũng qui định rõ các nước phê chuẩn Công ước này phải thiết lập ít nhất 3 chế độ trong 9 chế độ và phải đảm bảo bao gồm: hoặc chế độ trợ cấp thất nghiệp, hoặc trợ cấp tuổi già, hoặc trợ cấp tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp, hoặc trợ cấp tàn tật, hoặc trợ cấp tiền tuất, tùy theo sự lựa chọn của mỗi quốc gia.

Như vậy, nếu xem xét nội dung của an sinh xã hội dưới góc độ các chế độ thì an sinh xã hội được cấu thành cơ bản bởi 9 chế độ. Song qua các tài liệu nghiên cứu của ILO thì an sinh xã hội được biết đến với những bộ phận như sau: [8]

- Bảo hiểm xã hội

Đây là bộ phận chủ yếu, trụ cột, đóng vai trò quyết định của hệ thống An sinh xã hội. Bảo hiểm xã hội là sự bảo vệ mang tính chất xã hội đối với người lao động và gia đình họ thông qua việc đóng góp vào Quỹ bảo hiểm xã hội để trợ cấp cho người lao động trong các trường hợp bị giảm hoặc

mất thu nhập gây ra bởi các biến cố như ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, tuổi già, thất nghiệp...

- Cứu trợ xã hội (Trợ giúp xã hội)

Đây chính là sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội về thu nhập và các điều kiện sinh sống thiết yếu khác đối với mọi thành viên của xã hội trong những trường hợp bất hạnh rủi ro, nghèo đói không đủ khả năng để tự lo cho cuộc sống tối thiểu của bản thân và gia đình. Nguồn tài chính đảm bảo thực hiện cứu trợ xã hội được hình thành chủ yếu từ Nhà nước, sự hảo tâm, từ thiện của các tổ chức, cộng đồng dân cư mà đối tượng hưởng không phải đóng góp trực tiếp.

- Trợ cấp từ quỹ công cộng

Hình thức trợ cấp này cho phép tất cả công dân và cả những người đã định cư dài hạn trong khu vực gặp phải những khó khăn, bất hạnh được hưởng các trợ cấp, trước tiên là người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, goá ụa... Nét đặc biệt của hệ thống này là nguồn tài chính được đảm bảo bởi Nhà nước, toàn bộ hoặc phần lớn được lấy từ các quỹ công cộng mà đối tượng không phải đóng góp, mức trợ cấp thường là đồng nhất. Một số nước phát triển còn thiết lập các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe miễn phí toàn dân hoặc một số dịch vụ chăm sóc khác mà chi phí phần lớn từ các quỹ công cộng, còn lại đối tượng đóng góp một phần...

- Trợ cấp gia đình

Mục đích của Trợ cấp gia đình nhằm đáp ứng một nhu cầu xã hội, làm giảm bớt

sự phân biệt mức sống giữa các gia đình đông con, ít con và các gia đình khác, tạo sự bình đẳng, cơ may trong đời sống cho mọi trẻ em. Mức trợ cấp gia đình ở phần lớn các nước là thấp và thường do chủ sử dụng lao động đóng góp có sự đồng đầu của Nhà nước. Một số nước tiến bộ có hệ thống trợ cấp gia đình do Nhà nước thiết lập và thực hiện dựa trên nguyên tắc dịch vụ công cộng với danh nghĩa bù đắp chi tiêu gia đình, không liên quan đến lao động, việc làm.

- Chế độ bảo vệ của chủ sử dụng lao động

Chế độ bảo vệ của chủ sử dụng lao động được hình thành trên cơ sở trách nhiệm của chủ sử dụng lao động đối với các tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp xảy ra với người lao động trong quá trình lao động. Hầu hết các nước đều quy định chủ sử dụng phải trả một khoản trợ cấp và chăm sóc y tế cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Người sử dụng lao động có thể tự chi trả các cơ quan bảo hiểm bằng việc mua trước bảo hiểm cho người lao động.

- Các dịch vụ xã hội

Dịch vụ xã hội ở đây bao gồm dịch vụ y tế, dự phòng y tế, dự phòng tai nạn, dịch vụ đặc biệt đối với người tàn tật, người già yếu bảo vệ trẻ em, kế hoạch gia đình... Việc đưa những loại dịch vụ này vào hệ thống An sinh xã hội là tùy thuộc theo lịch sử phát triển An sinh xã hội, điều kiện kinh tế, chính trị xã hội ở mỗi nước và theo thứ tự ưu tiên trong cơ cấu và phạm vi của các dịch vụ.

- Quỹ dự phòng

Đây chỉ là hình thức tiết kiệm bắt buộc đơn thuần của người lao động và người sử dụng lao động vào một quỹ chung và chỉ khi gặp rủi ro, tàn tật, già chết... người lao động hoặc người thừa kế mới được quyền rút toàn bộ số tiền này cả vốn lẫn lãi (cũng có trường hợp cho rút một phần khi người lao động ốm đau, tai nạn hoặc cần mua nhà, xe cộ...). Quỹ này cũng không dùng chi cho các trợ cấp định kỳ thay thu nhập khi nghỉ hưu, tàn tật, chết... và cũng không dùng để tương trợ cho những người khác khi gặp rủi ro, không mang ý nghĩa thông thường của An sinh xã hội, do vậy đây chỉ được coi là một bước quá độ để tiến tới thiết lập quỹ bảo hiểm xã hội mà thôi.

Một số tài liệu của ILO cũng gộp những nội dung trên thành ba cơ chế chính đó là cơ chế Bảo hiểm xã hội; Trợ giúp xã hội (cứu trợ xã hội) và cơ chế tùy nghi (Cơ chế tùy nghi bao gồm các nội dung còn lại). Trên thực tế chưa có nước nào tự cho rằng hệ thống An sinh xã hội của mình là đầy đủ và hoàn thiện. Hơn thế nữa, các bộ phận của An sinh xã hội không chỉ dừng lại ở những nội dung vừa nêu mà với ý nghĩa cao đẹp của nó, An sinh xã hội còn mở rộng các chế độ bảo vệ khác nhằm hướng tới sự bảo vệ toàn diện đầy đủ hơn cho các thành viên của mình.

2.2 Các bộ phận cấu thành An sinh xã hội ở Việt Nam

Ở Việt Nam hiện nay cũng tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề an sinh xã hội và các bộ phận cấu thành. Tuy nhiên, có thể thấy rằng hiện tại, an sinh xã

hội ở Việt Nam là một ngành luật tương đối mới mẽ được cấu thành gồm ba bộ phận chính là: Bảo hiểm xã hội, Cứu trợ xã hội và Ưu đãi xã hội. Nếu xem xét ở phạm vi rộng thì an sinh xã hội Việt Nam còn bao gồm cả các nội dung khác như: chương trình xoá đói giảm nghèo, chương trình y tế, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, giúp đỡ những người lầm lỡ ... và gồm cả các loại quỹ tiết kiệm và các loại bảo hiểm khác. Song, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập chủ yếu đến ba bộ phận chính cấu thành hệ thống an sinh xã hội Việt Nam là: Bảo hiểm xã hội, Cứu trợ xã hội và Ưu đãi xã hội.

Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm xã hội là một bộ phận quan trọng nhất, có ý nghĩa rất lớn đối với người lao động trong hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam. Nếu như trước đây, ở nước ta bảo hiểm xã hội bó hẹp về phạm vi đối tượng, tài chính phụ thuộc vào ngân sách Nhà nước, các chế độ bảo hiểm xã hội còn đan xen với nhiều các chính sách chế độ khác như ưu đãi xã hội, kế hoạch hoá dân số... Hiện nay bảo hiểm xã hội Việt Nam đã được cải cách và ngày càng phát huy vai trò của mình đối với đời sống người lao động. Đối tượng bảo hiểm xã hội đã được mở rộng tới mọi người lao động với hai hình thức tham gia bắt buộc và tự nguyện. Chế độ bảo hiểm xã hội bao gồm các khoản trợ cấp dài hạn, trợ cấp ngắn hạn và bảo hiểm y tế. Quản lý và thực hiện bảo hiểm xã hội được tập trung thống nhất, quỹ bảo hiểm xã hội được hạch toán độc lập và được Nhà nước bảo trợ.

Cứu trợ xã hội

Cứu trợ xã hội là một công tác trọng tâm trong chính sách xã hội ở nước ta. Cứu trợ xã hội ở Việt Nam được thực hiện chủ yếu theo hai chế độ: cứu trợ thường xuyên và cứu trợ đột xuất. Cứu trợ thường xuyên áp dụng với các đối tượng người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật nặng... với các hình thức bằng tiền, hiện vật để giúp đỡ các đối tượng này ổn định cuộc sống. Cứu trợ xã hội đột xuất áp dụng với các đối tượng gặp rủi ro, hoạn nạn, thiên tai hạn hán, hoả hoạn... Chế độ cứu trợ này có tính chất tức thời giúp đỡ con người vượt qua hoạn nạn, khó khăn.

Ưu đãi xã hội

Là một bộ phận đặc thù trong hệ thống an sinh xã hội Việt Nam. Đối tượng hưởng ưu đãi xã hội là những người tham gia bảo vệ giải phóng đất nước. Ưu đãi xã hội là sự đãi ngộ về vật chất và tinh thần đối với những người có công với nước với dân, với cách mạng (và thành viên của gia đình) nhằm ghi nhận những công lao đóng góp, hy sinh cao cả của họ. Điều này chẳng những thể hiện trách nhiệm của Nhà nước, cộng đồng và toàn xã hội, mà còn nói lên đạo lý của dân tộc “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Tóm lại, an sinh xã hội là một chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta, giữ vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội đã được nhấn mạnh trong các kỳ đại hội Đảng, đặc biệt tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (2001): “Khẩn trương mở rộng hệ thống bảo hiểm

xã hội và an sinh xã hội. Sớm thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động... Thực hiện các chính sách xã hội bảo đảm an toàn cho cuộc sống của các thành viên cộng đồng, bao gồm bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc các thành phần kinh tế, cứu trợ xã hội đối với người gặp rủi ro, bất hạnh, ... thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và vận dụng toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa...". Để triển khai thực hiện chủ trương này, thời gian qua chúng ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật với mục đích nhằm tiến tới xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, là "tám lá chắn" cho mọi thành viên xã hội, xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ và phát triển bền vững.

3. Những ảnh hưởng của hệ thống an sinh xã hội

Thực tế cho thấy, hệ thống an sinh xã hội được thực hiện đúng và toàn diện sẽ mang lại những ảnh hưởng tích cực đáng kể về mặt xã hội:

- An sinh xã hội đảm bảo cho các đối tượng "yếu thế" nơi riêng và người lao động nói chung được chăm sóc, bảo vệ khi rơi vào hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt; tạo cho những người bất hạnh có thêm những điều kiện cần thiết để khắc phục những "rủi ro xã hội", có cơ hội để phát triển, có cơ hội hoà nhập vào cộng đồng. An sinh xã hội với các chức năng của mình, kích thích tính tích cực xã hội trong mỗi con người, hướng tới những chuẩn mực của chân thiện mỹ. An sinh xã hội nhằm hướng tới những điều cao đẹp trong cuộc sống, hoà đồng mọi

người không phân biệt chính kiến, tôn giáo, dân tộc, giới tính... vào một xã hội nhân ái, công bằng, và an toàn cho mọi thành viên.

- An sinh xã hội thể hiện truyền thống đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, tương thân tương ái giữa những con người trong xã hội. Sự đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng là một trong những nhân tố để ổn định và phát triển xã hội đồng thời nhằm hoàn thiện những giá trị nhân bản của con người giúp cho xã hội phát triển lành mạnh.

- An sinh xã hội dựa trên nguyên tắc san sẻ trách nhiệm và thực hiện công bằng xã hội, được thực hiện bằng nhiều hình thức, phương thức và biện pháp khác nhau. Trên bình diện xã hội, an sinh xã hội là một công cụ để cải thiện các điều kiện sống của các tầng lớp dân cư đặc biệt là những người nghèo khó, những nhóm dân cư yếu thế trong xã hội. Dưới góc độ kinh tế, an sinh xã hội là công cụ phân phối lại thu nhập giữa các thành viên trong cộng đồng. Nếu xây dựng được hệ thống an sinh xã hội tốt thì sẽ giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Đây là nền tảng để xây dựng một xã hội bác ái, công bằng, vì an sinh xã hội không chỉ giải quyết các vấn đề xã hội mà nó còn góp phần thiết yếu trong việc phát triển xã hội, thể hiện sự chuyển giao xã hội làm cho xã hội tốt đẹp hơn, văn minh hơn. Bởi vậy, trong xã hội hiện đại, an sinh xã hội ngày càng được củng cố và hoàn thiện để trở thành một hệ thống thiết yếu trong bộ máy Nhà nước. Nó có chức năng tổng hợp và tập trung các nguồn lực vào việc

phát triển xã hội, đem lại hạnh phúc cho nhân dân.

- An sinh xã hội còn đóng vai trò tích cực đối với sự ổn định tình hình chính trị của đất nước. Điều này cũng dễ nhận ra bởi vì tình hình kinh tế xã hội của đất nước có ổn định, có vững mạnh thì tình hình chính trị mới ổn định và vững mạnh. Mặt khác khi cuộc sống của người lao động thường xuyên bị đe dọa bởi những thiếu thốn do ốm đau, do thất nghiệp, do già yếu... thì cũng ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình chính trị. Trên thế giới thường xảy ra những cuộc biểu tình, gây xáo động về nội bộ của một số chính phủ bởi không đáp ứng về trợ cấp cho công nhân khi ốm đau, khi thất nghiệp, hưu trí...

- An sinh xã hội góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Xét cho cùng trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia đều có chung một mục đích cuối cùng là: đảm bảo và có những cải thiện nhất định cho hạnh phúc của mỗi người và đem lại lợi ích cho

mọi người. Trong sự phát triển đó an sinh xã hội có những đóng góp quan trọng. Bằng những biện pháp của mình, an sinh xã hội tạo ra “lưới chắn” an toàn gồm nhiều tầng, nhiều lớp nhằm bảo vệ cho mọi thành viên trong cộng đồng khi bị giảm hoặc mất thu nhập hoặc phải tăng chi phí đột xuất do nhiều nguyên nhân khác nhau - gọi là những “rủi ro xã hội”.

An sinh xã hội không chỉ có ý nghĩa với quốc gia mà còn có ý nghĩa quốc tế. Ngoài việc thuộc phạm trù quyền con người, là biểu hiện trình độ văn minh tiến bộ của mỗi quốc gia, ngày nay trong xã hội hiện đại mỗi nước đều nhận thức được rằng an sinh xã hội là vấn đề được toàn nhân loại quan tâm. Việc thực hiện an sinh xã hội không bị giới hạn bởi bất kỳ rào cản chính trị hay địa lý nào, thể hiện rõ nhất đó là các hoạt động cứu trợ xã hội, các hiệp định hợp tác về bảo hiểm xã hội giữa các quốc gia vì một thế giới hoà bình ổn định và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, *Kỷ yếu hội thảo quốc gia về Bảo hiểm xã hội*, 1992.
2. Đặng Đức San, “về thuật ngữ an sinh xã hội”, *Tạp chí khoa học Kinh tế - Luật*, số 1/2002.
3. Đỗ Minh Cương, Mạc Văn Tiến, “Góp phần đổi mới và hoàn thiện chính sách bảo đảm xã hội ở nước ta hiện nay” NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, 1996.
4. ILO “*Intoduction Social security*”.
5. Mạc Tiến Anh, Bàn thêm về thuật ngữ an sinh xã hội, *Tạp chí Bảo hiểm xã hội*, Số 1/2004.
6. Ngô Huy Cương, An ninh xã hội-Một số vấn đề pháp lý, *Tạp chí khoa học Kinh tế-Luật*, số 1/2002.
7. “*Social Security programs Throughout*” - Social security Admimstration, 1999.
8. “*Social Security Programs Throughout the world*” - Social Security Administration-1999 và “*Cẩm nang An sinh xã hội*” tập 1...sdd và tài liệu phục vụ chương trình tập huấn phát triển chế độ bảo hiểm xã hội-Bộ LĐ. TB&XH và ILO - 12/1998.

9. Viện khoa học Lao động và các Vấn đề xã hội-Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, *Luận cứ Khoa học cho việc đổi mới và hoàn thiện chính sách bảo đảm xã hội trong điều kiện nền kinh tế hàng hoá mở thành phần theo định hướng XHCN ở Việt Nam*, Đề tài Khoa học mã số KX.04.05, Năm 1993.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS-LAW, T.XX, N^o1, 2004

SOME THEORICAL MATTERS OF SOCIAL SECURITY

Le Thi Hoai Thu, LL.M

Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi

Social security is the way to protect unlucky members of the society through different methods in order to assist them in case of risk - facing, poverty, sickness, pregnancy, work accident, old-age... Social security enhances the unlucky people get out of their circumstances.

According to the ILO, in Convention No 102 (1952), social security consists of 9 main sectors.

In Viet Nam, Social security is a new law-branch, which consists of 3 main parts, these are: social insurance, social assistance, social preference, of which social insurance is the most important one.

In conclusion, the author confirms that social security-if well managed-will bring practical efficiency.